ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 937 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 15 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đường giao thông vào khu di tích Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi một số điều Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4899/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 về việc phê duyệt dự án; số 257/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đường giao thông vào khu di tích Quốc gia đặc biệt hang Con Mong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1133/TTr-SGTVT ngày 14/3/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đường giao thông vào khu di tích Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành; kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 1018/SGTVT-TĐKHKT ngày 08/3/2022 và hồ sơ điều chỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông vào khu di tích Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành với những nội dung chính như sau:

I. Khái quát về dự án

- Dự án đường giao thông vào khu di tích Quốc gia đặc biệt hang Con Mong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 với tổng mức đầu tư là **54.907.403.000 đồng**; trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB: 3.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 41.894.112.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 887.774.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 4.680.491.000 đồng;
- Chi phí khác: 973.731.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 3.471.295.000 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 50 tỷ đồng; vốn ngân sách của huyện Thạch Thành và các nguồn huy động hợp pháp khác 4,907 tỷ đồng.

- Thời gian thực hiện dự án: 03 năm (từ năm 2019 - 2021).

- Đến nay, dự án đã được bố trí kế hoạch vốn 54,8 tỷ đồng; giá trị xây lắp đến nay đạt 37,6 tỷ đồng, khoảng 85% khối lượng.

II. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình thực hiện dự án, phải điều chỉnh một số hạng mục để phù hợp với thực tế hiện trường và nội dung kết luận của Kiểm toán nhà nước như: chi phí về giải phóng mặt bằng, chi phí rà phá bom mìn, chi phí xây dựng,… dẫn đến làm tăng tổng mức đầu tư, vượt quá thời gian thực hiện dự án và được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý chủ trương điều chỉnh tại Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 17/01/2022. Vì vậy, để đảm bảo theo quy định về đầu tư xây dựng, việc điều chỉnh dự án là phù hợp và cần thiết.

III. Nội dung điều chỉnh

1. Điều chỉnh chi phí các hạng mục trong Tổng mức đầu tư

- Điều chỉnh giảm trừ chi phí xây dựng theo Thông báo số 382/TB-KVXI ngày 21/6/2021 của Kiểm toán nhà nước khu vực XI.

- Điều chỉnh bổ sung chi phí bồi thường, GPMB theo giá trị tại các Quyết định: số 3603/QĐ-UBND ngày 12/10/2020, số 24/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 và phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với các hộ thuộc các xã: Yên Mỹ, Thành Yên của Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành.

- Điều chỉnh bổ sung chi phí rà phá bom mìn theo Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành.

2. Tổng mức đầu tư điều chỉnh duyệt: 58.200.000.000 đồng; trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB: 6.327.331.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 45.199.130.000 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 929.603.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 4.736.586.000 đồng;
- Chi phí khác: 1.007.350.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

3. Nguồn vốn đầu tư sau điều chỉnh

Vốn Ngân sách trung ương hỗ trợ 50 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Thành Thành và các nguồn huy động hợp pháp khác 8,2 tỷ đồng.

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Từ "03 năm (từ năm 2019 - 2021)" thành "từ năm 2019 - 2022".

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. UBND huyện Thạch Thành tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định của mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c) ;
- Lưu: VT, CN (H'T3-DCDAconmoong).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀO KHU DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT HANG CON MOONG VÀ CÁC DI TÍCH PHỤ CẬN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng.

TT	Hạng mục chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt theo Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Giá trị hợp đồng	Giảm trừ theo KTNN	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(7-3)
I	**CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB**	**3.000.000.000**			**6.327.331.000**	**3.327.331.000**
II	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	**41.894.112.000**	**45.231.435.000**	**-32.305.000**	**45.199.130.000**	**3.305.018.000**
III	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	**887.774.000**	**929.603.000**		**929.603.000**	**41.829.000**
IV	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD**	**4.680.491.000**	**4.736.586.000**		**4.736.586.000**	**56.095.000**
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án + chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	2.064.211.000	2.064.211.000		2.064.211.000	-
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát bước NCKT	81.312.000				-81.312.000
3	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bước TKBVTC	700.000.000	1.372.716.000		1.372.716.000	70.515.000
4	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán, lập hồ sơ cắm cọc GPMB	482.201.000				

5	Chi phí lập hồ sơ cắm cọc GPMB	120.000.000				
6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn KS, lập DAĐT	14.312.000	14.312.000		14.312.000	-
7	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn KS, lập TKBVTC	9.505.000	95.500.000		95.500.000	-31.000
8	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT giám sát thi công	8.522.000				
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây dựng	77.504.000				
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.044.420.000	1.105.359.000		1.105.359.000	60.939.000
11	Chi phí giám sát công tác khảo sát bước BVTC	28.504.000				-28.504.000
12	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	50.000.000	84.488.000		84.488.000	**34.488.000**
V	**CHI KHÁC**	**973.731.000**	**1.007.350.000**		**1.007.350.000**	**33.619.000**
1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	179.400.000	806.881.000		806.881.000	627.481.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	104.735.000	-		-	104.735.000
3	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	8.234.000	8.234.000		8.234.000	-
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	127.630.000	127.630.000		127.630.000	-
5	Chi phí kiểm toán độc lập	442.616.000				-442.616.000

6	Lệ phí thẩm định thiết kế BVTC	32.373.000	64.605.000		64.605.000	1.383.000
7	Lệ phí thẩm định dự toán xây dựng	30.849.000				
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	41.894.000				-41.894.000
9	Chi phí thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn khảo sát lập DAĐT	2.000.000				-2.000.000
10	Chi phí thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn khảo sát lập TKBVTC	2.000.000				-2.000.000
11	Chi phí thẩm định HSMT và KQĐT giám sát thi công	2.000.000				-2.000.000
VI	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**	**3.471.295.000**	**-**			**3.471.295.000**
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng	2.912.975.000				-2.912.975.000
2	Chi phí dự phòng do trượt giá	558.320.000				-558.320.000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	**54.907.403.000**	**51.904.974.000**	**- 32.305.000**	**58.200.000.000**	**3.292.597.000**